TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST
Ngày: 02/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn .
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Minh Thiện;
2. Bà Nguyễn Thị Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Chu Văn B; tên gọi khác, không, sinh năm 1973 tại Vĩnh T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Làng B, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn B1 và bà Chu Thị S; vợ Triệu Thị V, sinh năm 1974; có 02 người con, lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 01/12/2018 và tạm giam đến cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại :*

1. An Thị K, sinh năm 1960; trú tại: Số 221/13 Q, Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Đặng Thị C, sinh năm 1962; trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

3. Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1974; trú tại: 42 B, Tổ MH, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

4. Vũ Như C, sinh năm 1963; trú tại: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

5. Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 1981; trú tại: Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

6. Tô Thị Ngọc S, sinh năm 1980; trú tại: Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

7. Lê Thị T, sinh năm 1973; trú tại: Tổ N, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

8. Ngô Văn Đ, sinh năm 1965; trú tại: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

9. Nguyễn Tiến D, sinh năm 1976; trú tại: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Võ Văn H, sinh năm 1973; trú tại: Tổ MH, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

2. Bùi Thị Kim D, sinh năm 1948; trú tại: Tổ MH, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

3. Dương Hoàng V, sinh năm 1980; trú tại: Tổ MH, phường T, thị xã A tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

4. Triệu Văn H, sinh năm 1990; trú tại: Làng B, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

5. Trần Văn B, sinh năm 1987; trú tại: Thôn B, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

6. Phạm Văn D, sinh năm 1969; trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

7. Bùi Văn N, sinh năm 1962; trú tại: Tổ H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

* *Người làm chứng:* Triệu Thị V, sinh năm 1974; trú tại: Làng B, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng thì nội dung vụ án như sau: Vào khoảng 06 giờ 40 phút ngày 01/12/2018, Chu Văn B nói vợ là Triệu Thị V, sinh năm 1974, trú tại: Làng B, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai chở B ra xã Đ, huyện K để Bình đón xe khách ra thị xã A mua xe máy cũ về bán. Khi đi, B đội mũ bảo hiểm màu xanh, cầm theo 01 tuốc nơ vít (dài 08 cm, một đầu dẹt, một đầu dạng bake) và 02 chìa khóa xe máy.

Khoảng 07 giờ 40 phút, Bình đến chợ Đ thuộc tổ B, phường A, thị xã A rồi đi dạo cổng chợ, với mục đích xem có người dân để xe mô tô sơ hở sẽ trộm cắp. Bình đi đến cổng chợ, phát hiện 01 xe mô tô loại Dream màu nho biển kiểm soát số: 81B2-498.10 của anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1973, trú tại Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai dựng ở cổng chợ Đ, không có người trông coi. B đi đến dắt xe của anh D xuống lòng đường đi về hướng trung tâm thị xã A được khoảng 10 mét thì bị Công an thị xã A bắt quả tang.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 228 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận chiếc xe máy biển kiểm soát 81B2-498.10 của anh Nguyễn Tiến D tại thời điểm mất có giá trị là: 10.000.000đ*(Mười triệu đồng)*.

Quá trình điều tra Chu Văn B khai nhận ngoài lần trộm cắp bị bắt quả tang tại chợ Đ, Chu Văn B đã thực hiện 08 lần trộm cắp trước đó với 08 chiếc xe máy cụ thể như sau

Lần 1: Vào khoảng 07 giờ ngày 28/3/2018, Chu Văn B nói với vợ là Triệu Thị V trông nhà để B đến thị xã A mua thuốc diệt cỏ. Khi đi B mang 01 chiếc chìa khóa xe máy nhằm mục đích để mở khóa, trộm xe. B đón xe khách ra thị xã A, đến số nhà 48 đường P thị xã A (Chợ A), dùng chìa khóa mang theo lén lút mở ổ khóa điện và trộm cắp 01 xe mô tô HONDA CUP 50 BKS 81FC-6074 của bà An Thị K dựng xe trước nhà số 48 đường P. Sau khi trộm được xe B điều khiển xe về nhà và tháo biển kiểm soát xe 81FC-6074 cất đi. B lấy biển kiểm soát xe 78HA-0155 mà B nhặt được (không xác định thời điểm, địa điểm nhặt) gắn vào xe và sử dụng chiếc xe máy trộm cắp được của bà K để đi làm rẫy.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74 ngày 19/4/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận chiếc xe HONDA CUP 50 BKS 81FC-6074 của bà An Thị K tại thời điểm mất là: 960.000đ (*Chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Lần 2: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 13/10/2018, B bắt xe khách ra thị xã A, khi đi mang theo một chiếc chìa khóa xe máy, một chiếc mũ bảo hiểm màu xanh, mục đích đến thị xã A trộm xe máy. Khi đến thị xã A B xuống xe đội mũ Bảo hiểm đi bộ vào khu vực chợ A đến số nhà 54 đường P thị xã A, dùng chìa khóa mang theo lén lút mở ổ khóa điện và trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ-đen BKS 81S1-7307 của bà Đặng Thị C. Sau khi trộm được điều khiển xe chạy về hướng xã T, thị xã A để về nhà tại huyện K. Trên đường đi vì sợ bị phát hiện nên B đã tháo Biển kiểm soát của xe vứt đi, còn xe B đem về rẫy gần nhà của B cất giấu. Sau đó Chu Văn B lấy biểm kiểm soát 81F9-8583 xe nhãn hiệu BOSS màu sơn nâu B trộm của bà Nguyễn Thị Mỹ L ngày 02/11/ 2018, gắn vào chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ-đen mà Chu Văn B đã trộm được của bà Đặng Thị C ngày 13 tháng 10 năm 2018, nhằm mục đích bán chiếc xe đó cho anh H.

Khoảng 12 giờ tháng 11/2018 (không xác định được ngày), B gọi điện cho Triệu Văn H (Là cháu của B) đến để bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ-đen mà Chu Văn B đã trộm được của bà Đặng Thị C cho H với giá 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Khi bán, B nói dối với H mới mua được xe bị mất giấy tờ nên giá rẻ và H nợ đến Tết âm lịch thì trả tiền. H không biết xe đó do B trộm cắp nên đồng ý mua rồi chạy xe về nhà sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 226 ngày 05/12/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận giá trị chiếc xe YAMAHA SIRIUS màu đỏ-đen BKS 81S1-7307 của bà Đặng Thị C tại thời điểm mất là: 7.990.000đ (Bảy *triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Lần 3: Vào khoảng 08 giờ ngày 02/11/ 2018, B đội mũ bảo hiểm mang theo một chiếc chìa khóa xe máy bắt xe khách ra thị xã A nhằm mục đích lấy trộm xe máy. Khi ra tới trung tâm thị xã A B xuống xe đi bộ vào khu vực chợ A và dạo quanh chợ xem có xe máy nào không có người trông coi thì lấy trộm. Khi thấy xe máy nhãn hiệu BOSS màu sơn nâu, BKS 81F9-8583 của chị Nguyễn Thị Mỹ L, đi chợ dựng trước cổng sau chợ, không có ai coi. B đến lấy chìa khóa mang theo, mở ổ khóa điện, nổ máy chạy về hướng xã T, thị xã A để về nhà rẫy tháo biển kiểm soát xe ra cất đi, còn xe thì mang về nhà. Ngày 04/11/2018, Trần Văn B, tại: Thôn B, xã S, huyện K là bạn với Chu Văn B đến nhà chơi. Sau đó, Trần Văn B1 mượn Chu Văn B chiếc xe nói trên chạy về nhà để đi rẫy, B đồng ý cho Trần Văn B1 mượn.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 236 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A, kết luận giá trị chiếc xe nhãn hiệu BOSS màu sơn nâu, BKS 81F9-8583 của chị Nguyễn Thị Mỹ L tại thời điểm mất là: 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Lần 4:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16 tháng 11 năm 2018, B mang theo mũ bảo hiểm, một chiếc chìa khóa xe máy bắt xe khách ra thị xã A mục đích trộm cắp xe máy. Khi ra tới ngã tư đường vào chợ A, B xuống xe đi bộ vào chợ để xem có xe máy nào sơ hở, không người trông coi thì lấy trộm. Khi đến trước cổng chợ B thấy xe máy nhãn hiệu LIFAN màu nâu BKS 81F6-2058 của anh Vũ Như C, không ai trông coi. B đến chỗ xe lấy chìa khóa mang theo mở ổ khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe về hướng ngã tư Đ và chạy về rẫy gần nhà cất giấu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 220 ngày 05 tháng 12 năm 2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận giá trị chiếc xe nhãn hiệu LIFAN màu nâu BKS 81F6-2058 của anh Vũ Như C tại thời điểm mất là: 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)*.

Lần 5: Vào khoảng 07 giờ ngày 18/11/2018, B mang theo 01 chiếc chìa khóa xe máy, 01 mũ bảo hiểm đến thị xã An Khê, để trộm xe. Khi đến đến cổng sau chợ A, B thấy chiếc xe YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 81G1-040.16 màu trắng-đen của chị Bùi Thị Ngọc A, dựng trước cổng chợ không người trông coi. B dùng chìa khóa mang theo mở ổ khoá nổ máy điều khiển xe về nhà rẫy gần nhà để đó. B dùng cale tháo chiếc biển kiểm soát 81G1-040.16 ra để lại rẫy. Sau đó, B chạy chiếc xe mới trộm được đến nhà ông Bùi Văn N, sinh năm 1962, trú tại: Tổ H thị trấn K, huyện K làm nghề thu mua phế liệu, B nhặt 01 biển kiểm soát 81K4 -2189 ở đống phế liệu nhà ông N và mua 01 biển kiểm soát 81K3-8161 của ông N giá 40.000 đồng. Sau đó, B lắp chiếc biển kiểm soát 81K4-2189 vào xe máy mới trộm của chị Bùi Thị Ngọc A, rồi điều khiển xe đến

nhà ông Phạm Văn D, trú tại: Thôn 10, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai để gửi xe, rồi mang chiếc biển kiểm soát 81K3-8161 về nhà cất giấu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 224 ngày 05 tháng 12 năm 2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận giá trị chiếc xe YAMAHA SIRIUS biển kiểm soát 81G1-040.16 màu trắng-đen của chị Bùi Thị Ngọc A tại thời điểm mất là: 9.020.000đ (*Chín triệu không trăm hai mươi nghìn đồng)*.

Lần 6: Vào khoảng 06 giờ ngày 21/11/2018, B mang theo 01 mũ bảo hiểm, 01 chìa khóa xe máy đi bộ từ nhà đến thị xã An Khê để trộm xe. Khi tới chợ Đ thuộc Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai, Bình tìm kiếm, quan sát thấy có 01 xe mô tô SUPERHALIM màu nâu biển kiểm soát 77S4 -8396 của chị Tô Thị Ngọc S, dựng trước cổng chợ không người trông coi. B đi tới, dùng chìa khóa mang theo, mở ổ khóa điện, dắt xe xuống đường rồi đạp nổ sau đó chạy về hướng T đưa xe trộm được về nhà cất giấu. B dùng cale tháo chiếc biển kiểm soát 77S4 -8396 cất đi rồi tháo chiếc biển kiểm soát 81F6 -2058 ở xe LIFAN màu nâu mà B lấy của ông C tại chợ A ngày 16 tháng 11 năm 2018 lắp vào xe vừa trộm của chị S. Sau đó, B mang xe này đến gửi nhà ông D ở đó.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 232 ngày 05 tháng 12 năm 2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận chiếc xe mô tô SUPERHALIM màu nâu biển kiểm soát 77S4 -8396 của chị Tô Thị Ngọc S tại thời điểm mất là: 3.600.000đ *(Ba triệu sáu trăm ngàn đồng)*.

Lần 7: Vào khoảng 06 giờ ngày 24/11/2018 tháng 11 năm 2018, B tiếp tục mang theo 01 mũ bảo hiểm, 01 chiếc chìa khóa xe máy đến Chợ Đ, thị xã A để trộm cắp xe máy. Khi đến khu vực chợ Đ, tổ B, phường A, thị xã A, B phát hiện 01 xe mô tô nhãn hiệu HONLEI màu nâu BKS 81H3 - 0063 của chị Lê Thị T, ở Tổ N, phường A, thị xã A đi chợ để trước cổng. B dùng chìa khóa mang theo mở ổ khóa điện điều khiển xe xe về nhà. B tháo biển kiểm soát 81H3-0063 ra rồi lấy chiếc biển kiểm soát 81K3-0161 mà B mua ở tiệm phế liệu lắp vào xe máy LIFAN màu nâu trộm được của ông C ngày 16 tháng 11 năm 2018, rồi để xe này ở nhà. Lấy chiếc biển kiểm soát 81G1-040.16 mà B lấy trộm của chị Bùi Thị Ngọc A, ngày 18/11/2018 lắp vào xe HONLEI màu nâu vừa trộm được của chị Lê Thị T. Sau khi đổi lắp xong B điều khiển xe đến nhà Triệu Văn H gửi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 234 ngày 05 tháng 12 năm 2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONLEI màu nâu biển kiểm soát 81H3 - 0063 của chị Lê Thị T, tại thời điểm mất là: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Lần 8:Vào khoảng 07 giờ ngày 27/11/2018 B mang theo 01 mũ bảo hiểm, 01 chiếc chìa khóa và một tua vít để làm công cụ mở lấy trộm xe máy. Đón xe khách chợ Đ, thuộc Tổ B, phường A, thị xã A để trộm xe. Khi đến cổng chợ Đ B xuống xe rồi đi dạo quanh cổng chợ xem có xe máy nào sơ hở thì lấy trộm, B

thấy xe máy nhãn hiệu SUNFAT màu nâu biển kiểm soát 81B1-343.37 của ông Ngô Văn Đ, trú tại Tổ B, phường A, thị xã A để phía cổng chợ, có chìa khóa trên ổ khóa, không có ai trông coi. B đến dắt xe xuống đường, điều khiển xe về nhà. Sau đó, Bình tháo biển kiểm soát 81B1-343.37 của xe ông Đ ra cất giấu trong nhà, lấy BKS 81H3-0063 của xe máy mà B trộm của chị T ngày 24 tháng 11 năm 2018 lắp vào xe vừa trộm được của ông Đ rồi mang xe máy này đến gửi tại nhà Triệu Văn H.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 230 ngày 05 tháng 12 năm 2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUNFAT màu nâu biển kiểm soát 81B1-343.37 của ông Ngô Văn Đ tại thời điểm mất là: 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*).

Như vậy, từ ngày 28 tháng 03 năm 2018 đến ngày 01 tháng 12 năm 2018 Chu Văn B đã 09 lần trộm cắp 09 xe mô tô của người dân trên địa bàn khu vực chợ Đ và Chợ thị xã A với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 42.870.000 đồng.

Vật chứng tạm giữ gồm:

- 01 xe mô tô HONDA DREAM BKS 81B2-498.10 (Xe của anh Nguyễn Tiến D) ;

- 01 xe mô tô CUB màu xanh 50 mang biển kiểm soát 78FA-0155 (Biển kiểm soát 78FA đúng của xe là là 81FC-6074 10, xe của bà An Thị K));

- 01 xe mô tô LIFAN màu nâu mang biển kiểm soát 81K3-8161(Biển kiểm soát đúng là 81F6-2058 xe của ông Vũ Như C);

- 01 xe mô tô YAMAHA SIRIUS màu đỏ-đen mang biển kiểm soát 81G1-040.16 (Biển kiểm soát đúng là 81S1-7307 của bà Đặng Thị C);

- 01 xe mô tô SUNFAT màu nâu mang biển kiểm soát 81H3-0063 (Biển kiểm soát đúng là 81B1-343.37 của ông Ngô Văn Đ);

- 01 xe mô tô hiệu HONLEI màu nâu, mang biển kiểm soát 81F9 -8583 (Biển kiểm soát đúng là 81H3 -0063 của bà Lê Thị T);

- 01 xe mô tô YAMAHA SIRIUS trắng mang BKS 81K4 – 2189 (Biển kiểm soát đúng là 81G1 – 040.16);

- 01 xe mô tô SUPERHALIM màu nâu mang biển kiểm soát 81F1-2058 (Biển kiểm soát đúng là BKS 77S8 – 8396);

- 01 xe mô tô hiệu BOSS màu nâu, không có biển kiểm soát (Biển kiểm soát đúng là 81F9-8583 của bà Nguyễn Thị Mỹ Loan);

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh có chữ YAMAHA TIN TRUNG; 01 tua vít dài 08 cm cán nhựa, 02 chiếc chìa khóa xe máy (01 chiếc có chữ YAMAHA, 01 chiếc có cán hình tròn bằng nhựa màu đỏ);

- 03 chiếc BKS: 77S4-8396, 81FC-6074, 81B1-343.37;

- 03 chiếc cà lê 13 – 13, 10 – 12, 8 – 10.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại các xe mô tô cho các bị hại là chủ sơ hữu hợp

pháp là Nguyễn Tiến D, Nguyễn Thị Mỹ L, Lê Thi T, Bùi Thị Ngọc A, Đặng Thị C, Tô Thị Ngọc S, Vũ Như C, Ngô Văn Đ, An Thị K, họ đã nhận lại tài sản và không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Đối với các Biển kiểm soát 81K3-8161, 78FA -0155, 81K4-2189 Chu Văn B mua ở tiệm phế liệu và nhặt được để gắn vào xe trộm cắp. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xác minh nhưng không xác định được chủ sở hữu, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A chuyển các Biển kiểm soát này cho Đội Cảnh sát Giao thông để xử lý theo quy định.

Đối với 01 chiếc chìa khóa xe máy có cán hình tròn bằng nhựa màu đỏ, một chiếc tua vít, 3 chiếc cale và chiếc mũ bảo hiểm màu xanh có chữ YAMAHA TIN TRUNG là công cụ Chu Văn B sử dụng đi gây án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A chuyển các vật chứng nêu trên đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

Về dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại các xe mô tô cho các bị hại, họ đã đồng ý nhận lại tài sản bị mất đầy đủ và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 09/CTr-VKS ngày 23/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Chu Văn B về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố. Do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã một mình đến Trung tâm thương mại A và Chợ Đ để xem có ai sơ hở để trộm cắp xe máy. Từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2018 một mình bị cáo đã lén lút trộm cắp 9 chiếc xe mô tô của các bị hại là bà An Thị K, bà Đặng Thị C, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Vũ Như C, bà Bùi Thị Ngọc A, bà Tô Thị Ngọc S, bà Lê Thị T, ông Ngô Văn Đ, ông Nguyễn Tiến D. Sau khi trộm cắp được xe bị cáo đem về nhà và gửi nhà anh D và anh H và nói dối là mua được xe không có giấy tờ nên giá rẻ và đã bán cho anh Triệu Văn H 01 chiếc xe Sirius màu đỏ-đen với giá 2.500.000đ và nói với anh H là xe mất giấy tờ nên anh H tin tưởng đã mua nhưng chưa trả tiền. Tổng cộng 9 chiếc xe mà bị cáo trộm được theo định giá có giá trị là 42.870.000đ. Hôm nay, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của các bị hại bà An Thị K, ông Vũ Như C, bà Bùi Thị Ngọc A, bà Tô Thị Ngọc S, bà Lê Thị T, ông Ngô Văn Đ, bà Đặng Thị C, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Tiến D thể hiện. Trong quá đi chợ họ bị mất xe mô tô và đã báo Công an thị xã A. Sau đó, được Công an thị xã A cho biết tài sản là xe mô tô của họ bị Chu Văn B trộm cắp. Tài sản là xe mô tô bị mất, tất cả các bị hại đã nhận lại đầy đủ nên không có ý kiên hay yêu cầu gì thêm về phần dân sự. Về hình sự tất cả các bị hại đều yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Lời khai của anh Triệu Văn H trình bày, giữa anh và bị cáo Chu Văn B có quan hệ họ hàng với nhau (B lấy cô ruột của H). Vì thấy B nói có quen chỗ mua xe cũ giá rẻ nên anh H có nhờ B tìm mua giúp cho anh H 1 chiếc xe máy cũ để đi làm rẫy và được B đồng ý. Sau đó (Khoảng 2 ngày sau vào lúc 10h 30 phút) B có

gọi điện cho H nói đã mua được xe rồi đến nhận xe. B bán cho H chiếc xe Sirius màu đỏ-đen với giá 2.500.000đ, (B nói với H là xe bị mất giấy tờ nên giá rẻ) H đồng ý mua nhưng hẹn khi mùa thu hoạch có tiền mới trả B thì B đồng ý và H đem xe về dùng đi lại làm rẫy. Sau khi H mua xe khoảng 20 ngày B có đem đến H 2 xe Dream (xe cũ) nói gửi nhờ. H nghĩ do B mua được xe và gửi tạm chờ bán nên đồng ý. Anh H không biết các xe mô tô đó (bán cho H và gửi nhờ) là do Chu Văn B trộm cắp của người khác. Toàn bộ 3 chiếc xe trên Công an thị xã A đã thu hồi trả lại cho người bị mất. Tại phiên tòa anh H không ý kiến gì.

Lời khai của chị Triệu Thị V trình bày, giữa chị và bị cáo Chu Văn B là vợ chồng, vào khoảng tháng 11 năm 2018 chị thấy chồng là Chu Văn B có đem về nhà 3 chiếc xe máy và nói mua xe cũ giá rẻ về để bán lại kiếm lời. Sau đó, B có nói bán cho H 1 chiếc nhưng H chưa trả tiền. Chị V không biết những chiếc xe đó do B trộm cắp của người khác. Tại phiên tòa chị không có ý kiến gì.

Lời khai của anh Phạm Văn D trình bày, giữa anh và bị cáo Chu Văn B là quen biết nhau do làm rẫy gần nhau. Khoảng tháng 11/2018 B có gửi ở nhà rẫy của anh 02 chiếc xe máy (01 chiếc loại Dream và 1 chiếc loại Sirius trắng, anh không để ý Biển kiểm soát), anh D nghĩ xe của anh B bận đi đâu đó nên gửi vì thế cũng không để ý gì. Sau đó, Công an thị xã A đến thu giữ các chiếc xe trên, anh D cũng không biết các xe đó do B trộm cắp nên không ý kiên gì.

Lời khai của anh Trần Văn B1 trình bày, giữa anh và bị cáo Chu Văn B là quen biết nhau. Khoảng tháng 11/2018 anh B1 có đến nhà Chu Văn B chơi và uống rượu sau đó mượn xe của Chu Văn B đi về thì Chu Văn B đưa cho anh chiếc xe Dream nhưng không có biển số. Anh có hỏi thì Chu Văn B trả lời biển số bị gãy nên anh cũng không nói gì mà chạy xe về nhà. Sau đó ngày 02/12/2018 thì bị Công an đến thu giữ chiếc xe nói trên. Anh không biết chiếc xe đó là do Chu Văn B trộm cắp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Chu Văn B phạm tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Chu Văn B từ 1 năm 6 tháng tù đến 2 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập. Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo Chu Văn B: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh có chữ YAMAHA T; Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chìa khóa xe máy có cán hình tròn bằng nhựa màu đỏ; 01 tua vít dài 08cm cán nhựa; 03 cale gồm 13-13, 10-12,8-10. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đó đã có đủ cơ sở xác

định: Từ ngày 28 tháng 03 năm 2018 đến ngày 01 tháng 12 năm 2018 Chu Văn B đã lén lút 09 lần trộm cắp 09 xe mô tô của các bị hại, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 42.870.000 đồng. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành động của bị cáo gây ra để giáo dục cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Đối với Triệu Văn H là người mua chiếc xe mô tô YAMAHA SIRIUS màu đỏ-đen mang biển kiểm soát 81G1-040.16 (Biển kiểm soát đúng là 81S1-7307 mà bị cáo B trộm cắp của bà Đặng Thị C) với giá tiền 2.500.000đ. Lúc bán xe bị cáo B nói với H là xe mất giấy tờ, Triệu Văn H hoàn toàn không biết chiếc xe đó do bị cáo B trộm cắp. Qua điều tra không có chứng cứ chứng minh Triệu Văn H phạm tội. Vì thế, không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với Triệu Văn H.

[8] Đối với Trần Văn B1, đã mượn bị cáo B chiếc xe xe mô tô hiệu BOSS màu nâu, không có biển kiểm soát (Biển kiểm soát đúng là 81F9-8583 mà bị cáo B trộm cắp của bà Nguyễn Thị Mỹ L) để đi về nhà. Khi cho Trần Văn B1 mượn xe bị cáo Chu Văn B nói dối là xe của bị cáo nhưng biển số bị gẫy. Trần Văn B1 không biết chiếc xe đó do bị cáo Chu Văn B trộm cắp nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với Trần Văn B1.

[9] Đối với Phạm Thế D và Triệu Văn H đã cho Chu Văn B gửi nhờ các xe nhưng khi gửi xe B nói dối là xe của B mua về để bán lại. Phạm Thế D và Triệu Văn H đều không biết các xe được gửi là do B trộm cắp. Vì thế, không có cơ sở xử lý trách nhiệm đối với Phạm Thế D và Triệu Văn H.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản bị cáo B trộm được đã trả lại cho các bị hại là bà An Thị K, bà Đặng Thị C, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Vũ Như C, bà Bùi Thị Ngọc A, bà Tô Thị Ngọc S, bà Lê Thị T, ông Ngô Văn Đ, ông Nguyễn Tiến D đầy đủ. Tất cả các bị hại không có yêu cầu về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về vật chứng: Các vật chứng Công an thị xã A đã xử lý xong nên không đề cập. Đối với 01 chiếc chìa khóa xe máy có cán hình tròn bằng nhựa màu đỏ; 01 tua vít dài 08cm cán nhựa; 03 cale gồm 13-13, 10-12,8-10. Là công cụ phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Riêng 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh có chữ YAMAHA T của bị cáo B dùng để đội khi tham gia giao thông nên trả lại cho bị cáo Chu Văn B.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Chu Văn B, phạm tội "Trộm cắp tài sản";

2. Xử phạt bị cáo Chu Văn B 18 (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ và tạm giam ngày 01/12/2018.

3. Về vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn B: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh có chữ YAMAHA T.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc chìa khóa xe máy có cán hình tròn bằng nhựa màu đỏ; 01 tua vít dài 08cm cán nhựa; 03 cale gồm 13-13, 10-12,8-10.

(Các vật chứng được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án thị xã A ngày 07/3/2019).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Chu Văn B phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trung Toàn